

WEEKLY WRAP

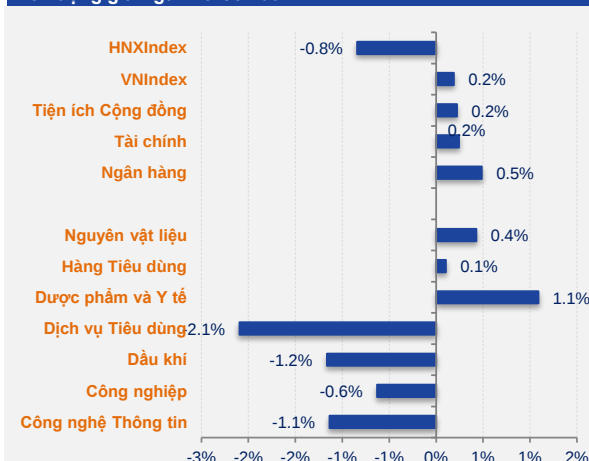
Tuần GD: 19/2/2024 - 23/2/2024

Index Tuần	HOSE	+/-	HNX	+/-
Thống kê thị trường				
Index	1,212.00	↑ 0.2%	231.08	↓ -0.8%
KLGD (trCP)	4,826.57	↑ 33.2%	476.56	↑ 34.8%
GTGD (tỷ VND)	118,101.60	↑ 36.1%	8,771.72	↑ 24.5%
Tổng cung (trCP)	8,045.54	↓ -3.1%	854.51	↑ 30.3%
Tổng cầu (trCP)	7,643.64	↓ -3.6%	663.02	↑ 25.2%

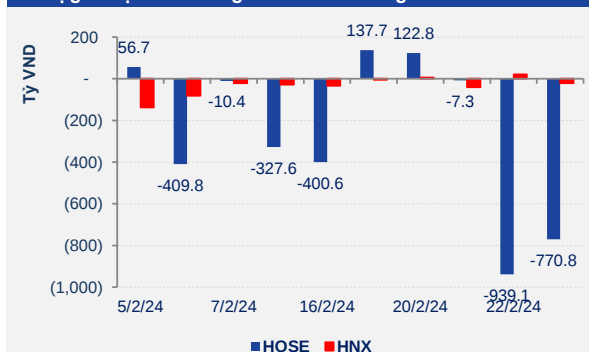
Giao dịch NĐT nước ngoài

KL mua (trCP)	330.99	↑ 41.7%	13.42	↑ 60.7%
KL bán (trCP)	372.72	↑ 45.3%	16.00	↓ -34.5%
GT mua (tỷ VND)	9,466.39	↑ 34.4%	323.65	↑ 36.9%
GT bán (tỷ VND)	10,923.02	↑ 34.3%	363.34	↓ -32.7%

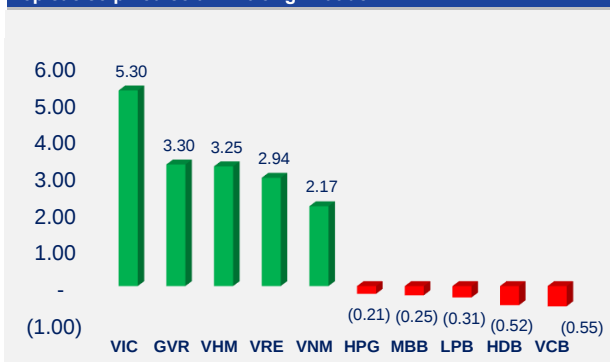
Biến động giá Ngành theo Tuần



Giá trị giao dịch mua ròng của NĐT nước ngoài



Top các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA

Sau khi tăng mạnh lên vùng giá 1.235 điểm - 1.255 điểm, tương ứng vùng đỉnh giá tháng 08, 09/2023, VN-INDEX đã có tuần giao dịch biến động mạnh với 03 phiên liên tiếp biến động hẹp dưới kháng cự 1.235 điểm. Phiên cuối tuần VN-INDEX bất ngờ tăng điểm mạnh từ đầu phiên dưới ảnh hưởng của các cổ phiếu ngân hàng lên mức 1.240 điểm, sau đó áp lực bán tăng đột biến trong phiên chiều dẫn đến VN-INDEX có phiên giảm điểm mạnh cuối tuần với khối lượng giao dịch rất đột biến hơn 1,3 tỷ cổ phiếu, thể hiện áp lực phân phối ngắn hạn mạnh. Dù vậy kết thúc tuần VN-INDEX vẫn tăng điểm nhẹ so với phiên cuối tuần trước, kết tuần ở mức 1.212 điểm, vượt lên vùng giá tâm lý 1.200 điểm. HNX-INDEX kết tuần ở mức 231,08 điểm giảm 0,84% so với tuần trước

Trong tuần tổng giá trị giao dịch trên HOSE đạt 118.101 tỉ đồng, tăng mạnh và trung bình khối lượng giao dịch gần 01 tỷ cổ phiếu/phiên, trong đó phiên giao dịch 23/02/2024 khối lượng giao dịch lên tới 1,327 tỷ cổ phiếu, cao nhất kể từ phiên ngày 18/08/2023. HNX-INDEX thanh khoản cũng tăng mạnh với 8.771,72 tỉ đồng được giao dịch. Diễn biến này kết hợp với phiên giảm điểm mạnh cuối tuần thể hiện rủi ro phân phối ngắn hạn ở nhiều mã/nhóm mã khi VN-INDEX ở vùng giá 1.235 điểm - 1.240 điểm. Nhà đầu tư nước ngoài tăng giao dịch trong tuần và bán ròng mạnh 1.456,63 tỉ đồng trên HOSE; bán ròng trên HNX với giá trị 39,69 tỉ đồng.

Thị trường đón nhận nhiều thông tin trong tuần như: Tăng trưởng tín dụng đến cuối tháng 1/2024 đã giảm 0,6% so với đầu năm 2023; Ngân hàng Nhà nước tiếp tục duy trì các mức lãi suất điều hành như hiện nay, ít nhất trong nửa đầu năm 2024; Theo biên bản cuộc họp tháng 1 được công bố hôm 21/2/2024 của FED. Biên bản nhấn mạnh rằng vẫn còn quá sớm để cắt giảm lãi suất, hiện đang ở mức cao nhất trong vòng 23 năm là từ 5,25% đến 5,5%.

Ngân hàng là nhóm cổ phiếu có ảnh hưởng mạnh đến thị trường trong tuần với mức độ phân hóa cao, thanh khoản đột biến thu hút dòng tiền ngắn hạn xoay vòng gia tăng giao dịch mạnh, nhiều mã kết tuần vẫn tăng giá mạnh, vượt vùng đỉnh cũ như BID (+7,11%), VAB (+6,25%), TCB (+4,16%)... trong khi đa số giảm điểm với LPB (-4,74%), HDB (-3,43%), OCB (-3,18%), EIB (-2,65%)...

Nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán chủ yếu biến động trong biên độ hẹp nhưng chịu áp lực bán mạnh trong phiên cuối tuần, kết tuần hầu hết giảm điểm với TVB (-7,44%), APG (5,78%), VND (-4,96%), AGR (-4,34%)... ngoài IVS (+10,68%), HBS (+3,85%)... Các cổ phiếu bất động sản cũng là nhóm có diễn biến kém tích cực nhất so với thị trường chung khi hầu hết giảm điểm, chịu áp lực bán mạnh ở phiên cuối tuần như TCH (-6,20%), DIG (-6,10%), PDR (-5,72%), ITC (-5,24%)... ngoài các mã đột biến tích cực CCL (+13,26%), VRE (+13,11%), PXL (+10,71%)...

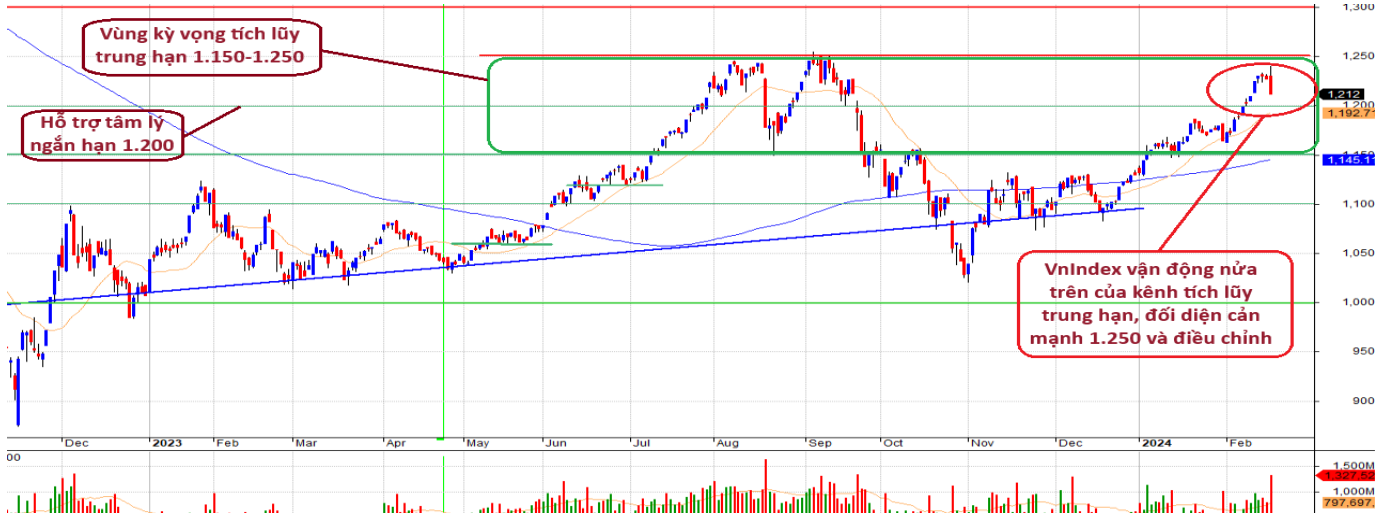
Trong khi đó các cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp, cao su mặc dù chịu áp lực bán mạnh trong phiên cuối tuần nhưng kết thúc tuần nhiều mã vẫn tăng giá tốt, nổi bật với TIP (+6,83%), IDV (+6,70%), GVR (+3,38%)... ngoài LHG (-2,87%), DPR (-2,72%), KBC (-2,70%)...

Trên thị trường phái sinh, sau những phiên thể hiện kết thúc giai đoạn lạc quan, phòng ngừa rủi ro giảm điểm, kỳ hạn VN30F2403 giảm 12,9 điểm -1,04%, chênh lệch dương trở lại 2,01 điểm so với VN30. Xu hướng ngắn hạn kỳ hạn VN30F2403 có vùng hỗ trợ quanh 1.220 -1.225 điểm, kháng cự quanh 1.230 điểm. Các kỳ hạn VN30F2404, VN30F2406, VN30F2409 chênh lệch từ -12,09 điểm đến -0,19 điểm so với VN30. Các mức chênh lệch âm đảo ngược so với những phiên trước. Thể hiện thị trường đang kỳ vọng VN30 sẽ phục hồi trở lại trong những phiên đến.

WEEKLY WRAP

Tuần GD: 19/2/2024 - 23/2/2024

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Thị trường điều chỉnh khá mạnh trong phiên hôm nay và vận động này đúng như chúng tôi đã cảnh báo liên tục ở các bản tin trước. Chốt phiên VnIndex giảm -15,31 điểm (-1,25%) và đóng cửa ở 1.212 điểm.

Xét dưới góc nhìn ngắn hạn, thị trường đã tiệm cận cản mạnh 1.250 điểm và điều chỉnh đúng như chúng tôi đã dự báo và cảnh báo. Hiện tại ngưỡng hỗ trợ tâm lý của chỉ số là vùng 1.200 điểm trong nhịp điều chỉnh này. Dù thị trường vẫn có khả năng có nhịp hồi nhưng nhà đầu tư ngắn hạn nên thận trọng ở giai đoạn hiện tại bởi VnIndex đang vận động ở vùng điểm số cao trong kênh tích lũy trung hạn và đã phát tín hiệu điều chỉnh nên rủi ro ngắn hạn đang tăng lên.

Về góc nhìn trung hạn, chúng tôi đã nhận định sớm là Vn-Index đang dần vận động để hình thành kênh tích lũy rộng trung hạn 1.150 điểm - 1.250 điểm. Chỉ số giai đoạn vừa qua đã tiệm cận vùng cản trên của kênh tích lũy (1.250 điểm) và do vậy khả năng sẽ bước vào nhịp giảm. Diễn biến giảm điểm nếu xảy ra cũng là phù hợp với vận động tiến tới vùng cân bằng mới và tích lũy lại sau giai đoạn thị trường giảm sâu năm 2022, với thời gian hình thành nền mới dự báo sẽ kéo dài.

VnIndex đã điều chỉnh đúng như chúng tôi cảnh báo khi tiền gần ngưỡng cản mạnh 1.250 điểm. Phiên hôm nay mới là phiên điều chỉnh đầu tiên nên sẽ tiếp tục có rung lắc trong các phiên tới. Giai đoạn hiện tại VnIndex đang vận động ở vùng trên của kênh tích lũy trung hạn nên rủi ro thị trường bước vào nhịp giảm đang tăng lên cho dù có thể có các phiên tăng điểm trở lại, nhà đầu tư ngắn hạn không nên tham gia ở giai đoạn hiện tại và nên tranh thủ những phiên tăng điểm trong ngắn hạn để hạ tỷ trọng cổ phiếu về ngưỡng thấp. Nhà đầu tư trung dài hạn nếu bám sát các bản tin của chúng tôi thì gần như đã cơ cấu xong danh mục ổn định và ở vùng điểm số hiện tại cơ hội giải ngân trung dài hạn không còn nhiều và không hấp dẫn, do đó chúng tôi không khuyến nghị giải ngân ở giai đoạn hiện tại mà nên chờ đợi thị trường bước vào nhịp giảm ngắn hạn.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



WEEKLY WRAP

Tuần GD:

19/2/2024

-

23/2/2024

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
PVD	28.35	27.5-28.3	31-32	26	27.2	19.8%	262.1%	Theo dõi giải ngân
VRE	25.45	23.5.-25	29-30	22	13.1	12.4%	35.0%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
11/1/2023	BVS	25.70	22.3	28-28.5	25	15.2%	Nắm giữ
11/8/2023	PHR	55.10	45.1	52-53	53	22.2%	Nắm giữ
20/12/2023	PVD	28.35	27.55	30-31	26.5	2.9%	Nắm giữ
27/12/2023	TNH	19.35	18.09	23-24	19	7.0%	Nắm giữ

TIN VĨ MÔ

Lãi suất qua đêm liên ngân hàng tăng vọt lên hơn 4%, mức cao nhất 9 tháng

Theo số liệu mới nhất của Ngân hàng Nhà nước, lãi suất VND bình quân liên ngân hàng tại kỳ hạn qua đêm (kỳ hạn chính, chiếm khoảng 90% giá trị giao dịch) trong phiên 21/2 đã tăng lên 4,14%, từ mức 2,15% vào phiên trước đó. Như vậy chỉ sau 1 đêm, lãi suất qua đêm liên ngân hàng đã tăng lên gần gấp đôi và chạm mức cao nhất kể từ cuối tháng 5/2023. Đây là phiên tăng mạnh thứ ba liên tiếp của lãi suất qua đêm liên ngân hàng. So với mức ghi nhận vào cuối tuần trước, lãi suất qua đêm liên ngân hàng đã tăng lên gấp gần 4 lần và cao hơn nhiều mức đỉnh điểm trong giai đoạn cao điểm thanh toán Tết Nguyên đán (2,38% ghi nhận vào ngày 7/2).

Bộ Công an đề xuất 6 thay đổi tại thẻ căn cước mới

Bộ Công an đề xuất mẫu thẻ căn cước mới sẽ không còn mục quê quán, nơi đăng ký khai sinh, vân tay, đặc điểm nhận dạng... Dự thảo thông tư quy định về mẫu thẻ Căn cước, mẫu giấy Chứng nhận căn cước đang được lấy ý kiến đóng góp trong hai tháng, từ 7/2. Nếu thông tư được thông qua, thẻ căn cước mới sẽ được triển khai cấp từ 1/7, đúng với thời điểm Luật căn cước công dân (sửa đổi) có hiệu lực. Theo dự thảo, Bộ Công an đề xuất 6 thay đổi về các trường thông tin trên bề mặt trước và sau của thẻ căn cước công dân gắn chip. Trong đó, tên gọi của thẻ sẽ là "Căn cước" thay cho dòng chữ "Căn cước công dân" đang được sử dụng.

Tháng 1, huy động vốn qua trái phiếu chính phủ đạt 4,9% kế hoạch năm 2024

Tính đến hết ngày 31/1/2024, tổng khối lượng trái phiếu chính phủ huy động được là 19.509 tỷ đồng, tương đương 4,9% kế hoạch phát hành trái phiếu chính phủ năm 2024. Kho bạc Nhà nước vừa có báo cáo về tình hình huy động vốn qua phát hành trái phiếu chính phủ tháng 1/2024. Theo đó, tính đến hết ngày 31/1/2024, tổng khối lượng trái phiếu chính phủ huy động được là 19.509 tỷ đồng, tương đương 4,9% kế hoạch phát hành trái phiếu chính phủ năm 2024 (400.000 tỷ đồng) và 15,4% kế hoạch quý 1/2024 (127.000 tỷ đồng). Kỳ hạn phát hành bình quân năm là 13,16 năm; thời gian đáo hạn bình quân danh mục là 9,08 năm; lãi suất phát hành bình quân là 2,20%/năm.

Giá vàng, USD biến động bất ngờ

Sáng 23/2, giá vàng miếng SJC được niêm yết tại mức 76,8-79 triệu đồng/lượng (mua - bán), tăng 300.000 đồng mỗi chiều so với giá đóng cửa phiên liền trước. Như vậy, 3 ngày sau ngày vía Thần Tài, mỗi lượng vàng miếng mua vào được SJC tăng 1,8 triệu đồng, còn chiều bán ra tăng 1 triệu đồng. Chênh lệch 2 chiều là 2,2 triệu đồng. Vàng nhẫn giữ nguyên giá so với trước đó, đang niêm yết ở mức 63,5-64,8 triệu đồng/lượng (mua - bán). Trên thị trường quốc tế, giá vàng giao dịch quanh mức 2.024 USD/ounce, biến động không đáng kể.

TIN DOANH NGHIỆP**PV Power (POW) đạt 2.105,4 tỷ đồng doanh thu trong tháng đầu năm 2024**

Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power, mã POW - sàn HOSE) mới thông báo về tình hình kinh doanh trong tháng 1/2024. Trong tháng 1, doanh thu ước tính của PV Power đạt 2.015,4 tỷ đồng, hoàn thành 82% kế hoạch tháng. Trong đó, hai nhà máy có đóng góp nhiều nhất là Nhà máy điện Vũng Áng 1 đóng góp 1.007 tỷ đồng, Nhà máy điện Cà Mau 1&2 đóng góp 843,5 tỷ đồng. Về dự án Đầu tư nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và 4, PV Power cho biết, đến thời điểm hiện tại, tiến độ tổng thể EPC dự án ước đạt khoảng 65,6% so với kế hoạch 75,1%, chậm 9,5% so với kế hoạch.

Imexpharm (IMP) hợp tác với Genuone của Hàn Quốc chuyển giao công nghệ sản xuất thuốc tiên tiến

Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm (IMP) công bố ký kết thỏa thuận hợp tác chiến lược với Genuone Sciences Inc., tập đoàn dược phẩm đến từ Hàn Quốc. Theo thỏa thuận, trong giai đoạn đầu, Genuone và Imexpharm sẽ xác định các danh mục sản phẩm tối ưu cho thị trường Việt Nam, cùng cung cấp nhiều loại thuốc đa dạng nhằm giải quyết các tình trạng bệnh lý như tim mạch, tiểu đường và các vấn đề sức khỏe phổ biến khác. Nằm trong thỏa thuận hợp tác, Genuone và Imexpharm sẽ hợp tác đăng ký, sản xuất và phân phối thuốc tại Việt Nam và tiếp theo đó là chuyển giao công nghệ, trong đó bao gồm hoạt động chuyển giao công nghệ tiên tiến từ Genuone sang Imexpharm.

Tháng 1/2024, TNG báo lãi gấp 3 lần cùng kỳ

CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (mã TNG - sàn HNX) báo lãi sau thuế 15 tỷ đồng trong tháng 1/2024, gấp gần 3 lần cùng kỳ năm trước. Theo BCTC riêng tháng 1/2024, doanh thu thuần TNG đạt 524 tỷ đồng, tăng 32% so với cùng kỳ và là doanh thu tháng 1 cao nhất trong 5 năm qua của doanh nghiệp. Lãnh đạo TNG cho biết, năm nay đơn hàng dồi dào, các đối tác lớn đã bán hết hàng tồn kho nên TNG đã ký được các đơn hàng may xuất khẩu với nhiều đối tác như Decathlon, Columbia, The Children's Place, Sportmaster, Costco, Nike, Adidas... Đơn hàng lớn đã kín hết 6 tháng đầu năm từ trước Tết.

Haxaco (HAX) dự kiến chia cổ tức 3% tiền mặt và 15% cổ phiếu thưởng

Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (Haxaco, mã chứng khoán HAX) vừa công bố dự thảo tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 với kế hoạch chia cổ tức tỷ lệ 3% bằng tiền mặt và 15% cổ phiếu thưởng. Haxaco vừa thông qua dự thảo tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2024, dự kiến tổ chức ngày 23/03 tại số 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, TP.HCM, theo danh sách chốt cổ đông ngày 20/03/2024. Về phương án phân phối lợi nhuận năm 2023, Haxaco cho biết lợi nhuận sau thuế có thể phân phối theo báo cáo tài chính hợp nhất ngày 31/12/2023 là hơn 150,2 tỷ đồng.



HOSE

Top 5 CP NGĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	MSB	46,284,250	VPB	(22,995,628)
2	VRE	8,660,014	MWG	(11,632,998)
3	VHM	7,839,765	GEX	(10,899,945)
4	AAA	7,196,100	HPG	(8,141,261)
5	EVF	5,891,454	VCG	(6,678,283)

HNX

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	IDC	1,584,438	SHS	(3,318,063)
2	DTD	651,239	PVS	(2,566,116)
3	DHT	456,800	VC9	(243,100)
4	MST	310,400	EID	(202,300)
5	MBS	309,235	NRC	(176,700)

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	11.90	11.85	↓ -0.42%	217,780,400
MSB	15.20	15.40	↑ 1.32%	162,055,600
VIX	17.95	17.50	↓ -2.51%	158,601,720
NVL	17.70	17.00	↓ -3.95%	156,636,400
VND	23.20	22.05	↓ -4.96%	154,466,000

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	17.90	17.30	↓ -3.35%	94,654,224
CEO	21.70	21.20	↓ -2.30%	46,445,090
PVS	37.20	36.00	↓ -3.23%	29,761,354
HUT	19.20	18.60	↓ -3.12%	29,606,704
MBS	27.20	26.20	↓ -3.68%	23,817,366

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ST8	10.50	14.10	3.6	↑ 34.29%
LAF	13.45	15.75	2.3	↑ 17.10%
TNA	5.56	6.49	0.9	↑ 16.73%
EVF	15.60	18.20	2.6	↑ 16.67%
DHM	7.65	8.89	1.2	↑ 16.21%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
MCO	12.60	19.20	6.6	↑ 52.38%
VNT	34.00	45.20	11.2	↑ 32.94%
CAN	48.60	60.00	11.4	↑ 23.46%
FID	2.30	2.70	0.4	↑ 17.39%
TSB	43.80	50.90	7.1	↑ 16.21%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TTE	12.10	10.00	-2.1	↓ -17.36%
HTL	18.90	15.65	-3.3	↓ -17.20%
KSB	29.70	25.35	-4.4	↓ -14.65%
NO1	11.50	10.00	-1.5	↓ -13.04%
QNP	37.90	34.00	-3.9	↓ -10.29%

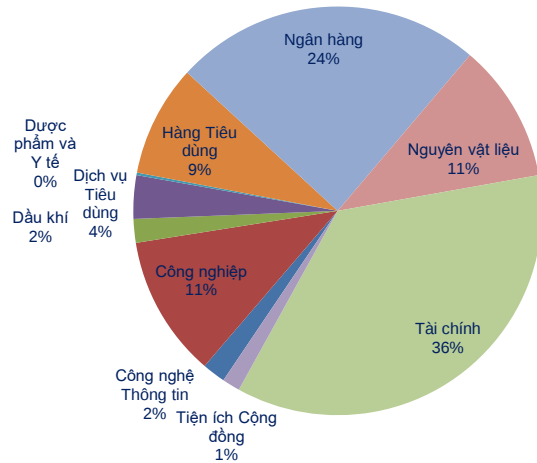
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SGH	29.50	24.20	-5.3	↓ -17.97%
HMR	10.10	8.60	-1.5	↓ -14.85%
VIF	17.00	14.50	-2.5	↓ -14.71%
TMX	9.40	8.10	-1.3	↓ -13.83%
NFC	13.90	12.00	-1.9	↓ -13.67%

(*) Giá điều chỉnh



THỐNG KÊ GIAO DỊCH TUẦN VÀ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Giá trị giao dịch tuần theo Ngành



P/E và Thị Trường



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	217,780,400	16.1%	2,064	5.9	0.9
MSB	162,055,600	16.0%	2,322	6.8	1.0
VIX	158,601,720	11.6%	1,444	12.5	1.4
NVL	156,636,400	1.8%	413	41.4	0.7
VND	154,466,000	13.0%	1,657	13.6	1.7

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	94,654,224	5.7%	688	25.7	1.4
CEO	46,445,090	3.1%	408	52.7	1.8
PVS	29,761,354	6.6%	1,812	20.4	1.3
HUT	29,606,704	0.6%	82	232.1	1.5
MBS	23,817,366	12.3%	1,334	19.9	2.3

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
ST8	↑ 34.3%	1.4%	144	94.3	1.3
LAF	↑ 17.1%	14.0%	1,943	7.9	1.0
TNA	↑ 16.7%	0.7%	85	74.5	0.5
EVF	↑ 16.7%	5.1%	748	23.4	1.5
DHM	↑ 16.2%	1.7%	191	43.5	0.7

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
MCO	↑ 52.4%	0.6%	80	227.0	1.4
VNT	↑ 32.9%	-8.5%	-1,022	-	3.1
CAN	↑ 23.5%	8.1%	2,424	22.7	1.8
FID	↑ 17.4%	-0.9%	-104	-	0.2
TSB	↑ 16.2%	5.3%	627	79.9	4.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	46,284,250	16.0%	2,322	6.8	1.0
VRE	8,660,014	12.4%	1,940	13.6	1.6
VHM	7,839,765	20.0%	7,607	5.9	1.1
AAA	7,196,100	4.8%	761	14.6	0.7
EVF	5,891,454	5.1%	748	23.4	1.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	1,584,438	22.6%	4,221	13.7	3.1
DTD	651,239	19.5%	4,328	6.7	1.2
DHT	456,800	9.1%	1,147	23.5	2.1
MST	310,400	9.1%	1,004	7.2	0.7
MBS	309,235	12.3%	1,334	19.9	2.3

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	500,224	21.7%	5,910	15.1	3.0
BID	283,597	19.0%	3,781	13.2	2.3
VHM	195,076	20.0%	7,607	5.9	1.1
CTG	191,709	17.0%	3,723	9.6	1.5
VIC	182,006	1.5%	533	89.3	1.2

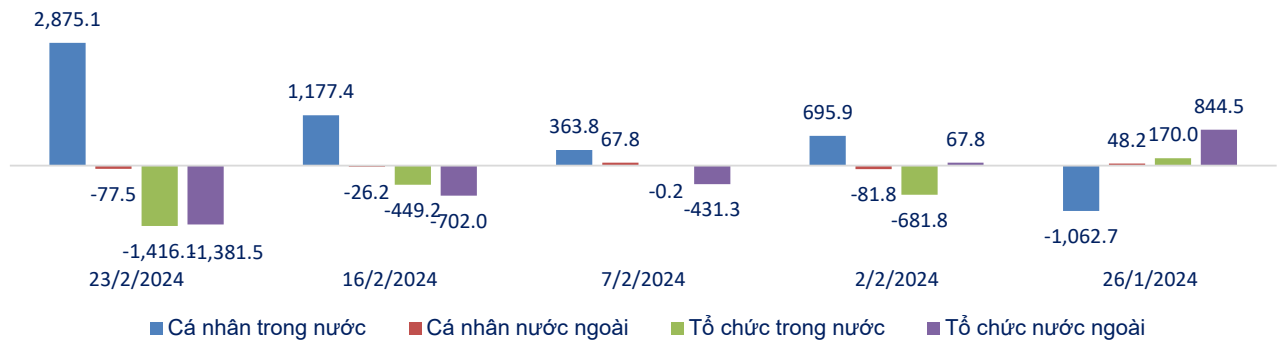
Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	19,074	22.6%	4,221	13.7	3.1
PVS	17,685	6.6%	1,812	20.4	1.3
HUT	16,958	0.6%	82	232.1	1.5
SHS	14,393	5.7%	688	25.7	1.4
THD	13,590	3.0%	470	75.1	2.2



GIAO DỊCH THEO LOẠI NHÀ ĐẦU TƯ

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	476.47	8.3%	1,445	13.6	1.1
MWG	406.48	0.7%	115	395.3	2.8
PC1	379.37	1.9%	439	66.6	1.3
NVL	326.86	1.8%	413	41.4	0.7
MSN	215.77	1.1%	293	232.1	2.5

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	-380.99	20.0%	7,607	5.9	1.1
EVF	-294.81	5.1%	748	23.4	1.5
VRE	-223.45	12.4%	1,940	13.6	1.6
VIC	-201.33	1.5%	533	89.3	1.2
DGC	-153.57	27.2%	8,186	12.4	3.2

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	13.19	26.2%	4,248	16.9	4.3
EVF	10.73	5.1%	748	23.4	1.5
NVL	10.33	1.8%	413	41.4	0.7
VHM	7.83	20.0%	7,607	5.9	1.1
HDB	6.31	23.6%	3,482	6.6	1.4

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
TPB	-35.30	13.7%	2,019	9.7	1.3
STB	-21.05	18.3%	4,094	7.6	1.3
MWG	-13.46	0.7%	115	395.3	2.8
VRE	-11.12	12.4%	1,940	13.6	1.6
SSI	-9.56	10.1%	1,531	22.6	2.2

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
EVF	190.63	5.1%	748	23.4	1.5
DCM	181.15	10.7%	2,091	16.4	1.8
MWG	124.48	0.7%	115	395.3	2.8
HCM	92.67	8.3%	1,207	22.0	1.9
CTG	86.35	17.0%	3,723	9.6	1.5

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	-575.50	16.0%	2,322	6.8	1.0
PC1	-363.29	1.9%	439	66.6	1.3
NVL	-251.89	1.8%	413	41.4	0.7
FPT	-212.05	23.4%	5,105	20.5	4.4
EIB	-172.43	10.1%	1,244	15.0	1.5

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	673.32	16.0%	2,322	6.8	1.0
VHM	345.34	20.0%	7,607	5.9	1.1
DGC	269.04	27.2%	8,186	12.4	3.2
VRE	221.96	12.4%	1,940	13.6	1.6
VIC	218.65	1.5%	533	89.3	1.2

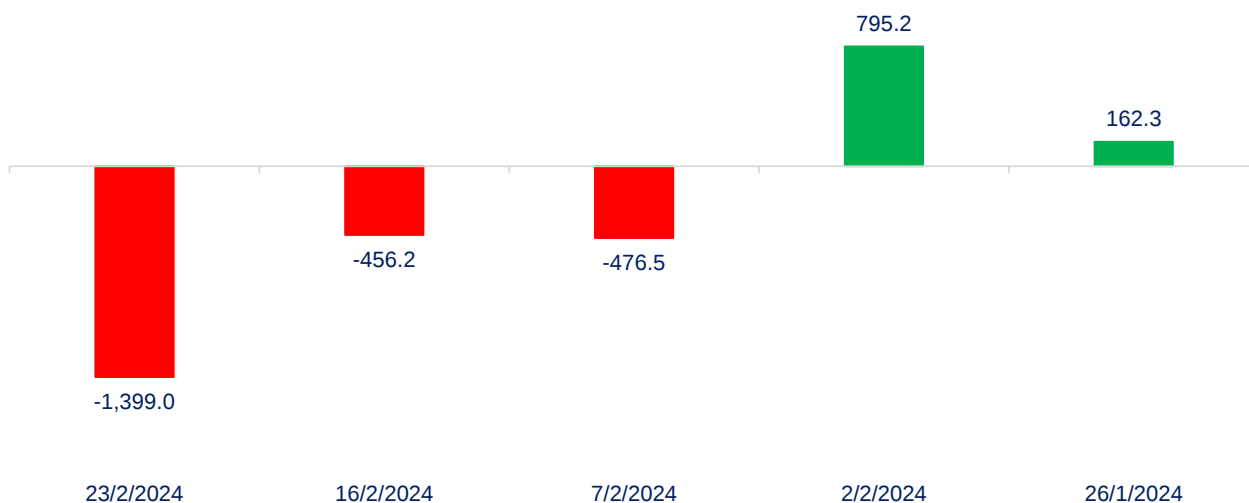
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	-517.50	0.7%	115	395.3	2.8
VPB	-445.22	8.3%	1,445	13.6	1.1
GEX	-246.51	1.6%	389	57.3	0.9
HPG	-236.12	6.9%	1,175	24.3	1.6
MSN	-168.68	1.1%	293	232.1	2.5

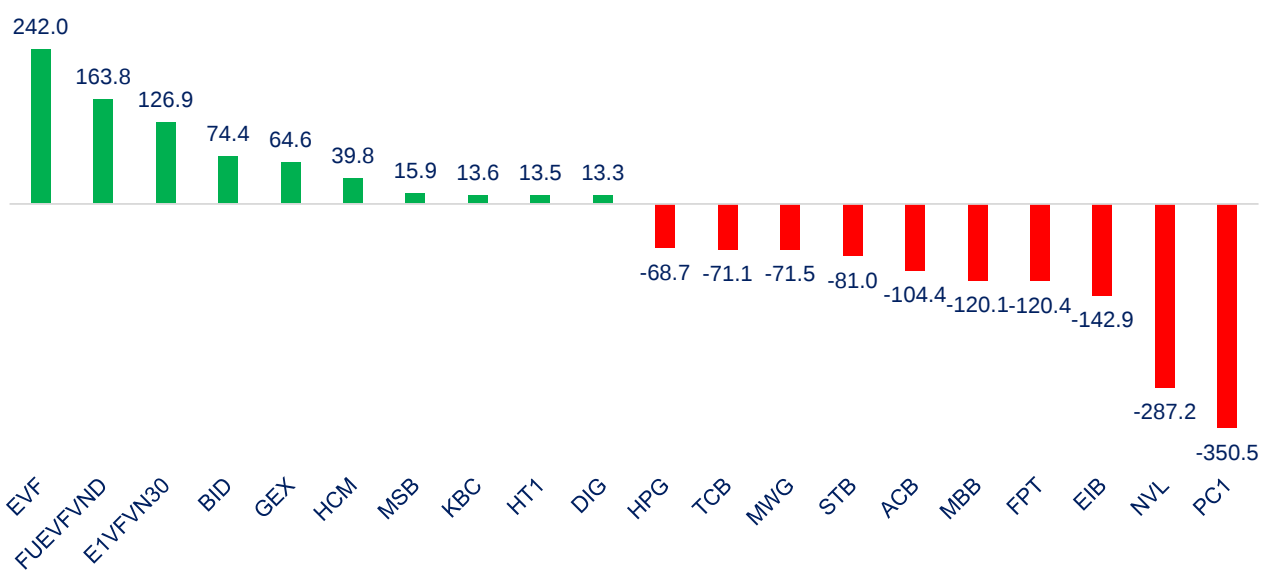


GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





LỊCH SỰ KIỆN TRONG TUẦN

Ngày thông báo	Ngày thực hiện	Ngày ĐKCC	Ngày GDKHQ	Mã CK	Loại sự kiện
11/3/2022	23/2/2024	23/2/2024	23/2/2024	SSI	Niêm yết thêm
11/1/2024	23/2/2024	25/1/2024	24/1/2024	APF	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5/2/2024	23/2/2024	23/2/2024	23/2/2024	DLM	Tạm dừng Niêm yết
10/1/2024	25/2/2024	23/1/2024	22/1/2024	HVA	Đại hội Đồng Cổ đông
19/2/2024	26/2/2024	27/2/2024	26/2/2024	IJC	Phát hành cổ phiếu
12/1/2024	27/2/2024	29/1/2024	26/1/2024	LGM	Đại hội Cổ đông Bất thường
26/1/2024	27/2/2024	1/2/2024	31/1/2024	ART	Đại hội Đồng Cổ đông
5/1/2021	28/2/2024	12/1/2021	11/1/2021	AMV	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11/12/2023	28/2/2024	26/12/2023	25/12/2023	HND	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14/12/2023	28/2/2024	28/12/2023	27/12/2023	VNM	Trả cổ tức bằng tiền mặt
29/12/2023	28/2/2024	1/2/2024	31/1/2024	PAC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9/1/2024	28/2/2024	30/1/2024	29/1/2024	CLC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22/1/2024	28/2/2024	29/1/2024	26/1/2024	XMC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
1/2/2024	28/2/2024	20/2/2024	19/2/2024	HMR	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24/11/2023	29/2/2024	4/12/2023	1/12/2023	ECI	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12/12/2023	29/2/2024	25/12/2023	22/12/2023	GE2	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3/1/2024	29/2/2024	15/1/2024	12/1/2024	PCT	Đại hội Đồng Cổ đông
16/1/2024	29/2/2024	31/1/2024	30/1/2024	VLF	Đại hội Cổ đông Bất thường
19/1/2024	29/2/2024	20/2/2024	19/2/2024	VHC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26/1/2024	29/2/2024	1/2/2024	31/1/2024	HUB	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6/2/2024	29/2/2024	19/2/2024	16/2/2024	DM7	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7/2/2024	29/2/2024	22/2/2024	21/2/2024	SVC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16/2/2024	29/2/2024	23/2/2024	23/2/2024	NAB	Tạm dừng Niêm yết
19/1/2024	1/3/2024	5/2/2024	2/2/2024	MNB	Đại hội Cổ đông Bất thường
25/1/2024	1/3/2024	16/2/2024	15/2/2024	POM	Đại hội Cổ đông Bất thường
7/2/2024	1/3/2024	23/2/2024	23/2/2024	VTP	Tạm dừng Niêm yết
18/1/2024	3/3/2024	1/2/2024	31/1/2024	HAM	Đại hội Đồng Cổ đông
19/12/2023	4/3/2024	29/12/2023	28/12/2023	PGV	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15/12/2023	4/3/2024	27/12/2023	26/12/2023	PPC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22/12/2023	4/3/2024	29/12/2023	28/12/2023	PGV	Trả cổ tức bằng tiền mặt



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn